

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/KDTM - PT

Ngày 29, 30/8/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huân;

Bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Đào Anh Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2019 và ngày 30/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/KDTM - PT ngày 16/5/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM - ST ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân thành huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2019/QĐ-PT ngày 24/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐ-PT ngày 23/7/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2019/QĐPT-KDTM ngày 01/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần kỹ nghệ thực phẩm P (Nay là: Công ty Cổ phần đầu tư P).

Địa chỉ: số 235 đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiên D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Mạnh D, chức vụ: phó Văn phòng.
Địa chỉ: số 22 đường D, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (văn bản ủy quyền ngày 01/3/2018).

- Bị đơn: Đại lý N do bà Trương Thị N – sinh năm 1965 là chủ đại lý. Trú tại: Khối 3A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tự K, sinh năm 1955 (chồng bà N).

Địa chỉ: Khôi 3A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền ngày 23/8/2018).

Ông Lê Tự K - Đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trương Thị N và ông Lê Tự K: Luật sư Phạm Thị T – Văn phòng luật sư M, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 100/8A đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lý Mạnh D trình bày:

Công ty cổ phần kỹ nghệ thực phẩm P(gọi tắt là Công ty P)và Đại lý N có quan hệ mua bán hàng hóa đối với mặt hàng nước khoáng chai các loại, theo đó Đại lý N có đặt cược tiền vỏ kết, vỏ chai cho Công ty. Hàng năm, Công ty P và Đại lý N đều ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa và đối chiếu công nợ để chuyển sang nợ của năm sau, hợp đồng có hiệu lực trong thời hạn 01 năm. Ngày 01/01/2015, Công ty P và Đại lý N ký kết hợp đồng cuối cùng có hiệu lực đến ngày 31/12/2015, hợp đồng có quy định về giá trị vỏ kết, vỏ chai từng loại và nghĩa vụ thanh toán vỏ kết, vỏ chai được quy thành tiền, trường hợp đại lý làm hư hao, mất mát vỏ kết nhựa, vỏ chai các loại thì phải bồi thường. Khi ký kết thì hai bên có đối chiếu công nợ, xác định số nợ còn lại mà Đại lý N nợ Công ty. Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 26/9/2017 (thời điểm chấm dứt giao dịch), Công ty P và Đại lý N không còn ký kết hợp đồng nhưng vẫn thực hiện giao dịch mua bán.

Hình thức đặt cược vỏ kết, vỏ chai các loại là căn cứ vào định mức công nợ vỏ kết, vỏ chai của Đại lý mà Công ty quy định, nếu vượt quá định mức đó thì đại lý phải đặt cược bằng tiền đối với vỏ kết, vỏ chai nước khoáng các loại đối với phần vượt mức. Khi thanh lý hợp đồng của mỗi năm thì số tiền đặt cược được chuyển sang năm tiếp theo để ký hợp đồng mà không thanh toán số tiền đặt cược này. Mục đích đặt cược là đảm bảo một phần tài sản (vỏ kết chai nước các loại) đã giao cho đại lý mượn.

Theo biên bản xác nhận công nợ, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 80/2014/HĐMB ngày 01/01/2014 và hợp đồng số 93/2015/HĐMB ngày 01/01/2015, thì Đại lý N còn nợ Công ty P số nợ cụ thể: Tiền hàng nợ là 12.700.000^d (mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Vỏ kết nhựa và vỏ chai thủy tinh các loại, gồm: Kết nhựa Phú sen 20 Ô là 4.443 vỏ kết; Chai thủy tinh trong suốt 460ml là 88.860 vỏ chai; Kết nhựa Pita 24 Ô cao là 188 vỏ kết; Chai thủy tinh trong suốt 330ml là 4.512 vỏ chai; Kết nhựa Phú sen 35 Ô thấp là 19 vỏ kết; Chai thủy tinh trong suốt 220ml là 665 vỏ chai. Bên cạnh đó, Đại lý N giao dư: Kết nhựa PYFINCO 24 Ô thấp là 04 vỏ kết và chai thủy tinh trong suốt 230ml là

96 vỏ chai. Công ty còn giữ tiền cược vỏ kết nhựa, vỏ chai của Đại lý N là 24.140.000^d (hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015: Các bên thực hiện theo hợp đồng đã ký kết và đối chiếu sổ sách gốc tại phiên hòa giải ngày 14/3/2019, xác định: Đại lý N đã trả cho Công ty: 14 bộ vỏ kết nhựa Phú Sen 20 Ô (gồm: 14 vỏ kết nhựa và 280 vỏ chai thủy tinh trong suốt 460ml); 08 bộ vỏ kết nhựa Pita 24 Ô cao (gồm: 08 vỏ kết nhựa và 192 vỏ chai thủy tinh trong suốt 330ml). Đồng thời, giao dư 10 bộ vỏ kết nhựa PYFINCO 24 Ô thấp (gồm: 10 vỏ kết nhựa và 240 vỏ chai).

- Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 26/9/2017 (thời điểm chấm dứt giao dịch): Các bên đối chiếu sổ sách gốc tại phiên hòa giải ngày 14/3/2019, xác định: Đại lý N đã thanh toán tiền hàng cho Công ty P là 6.669.000^d (sáu triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng), nhưng nợ thêm 52 bộ vỏ kết Phú sen loại 20 Ô (gồm vỏ kết nhựa 52 vỏ kết và vỏ chai thủy tinh là 1.040 vỏ chai).

- Sau khi Công ty khởi kiện tại Tòa án, Đại lý N đã trả được 03 lần với tổng số lượng 1.014 bộ vỏ kết nhựa phú sen 20 Ô (gồm 1.014 vỏ kết nhựa và 20.280 vỏ chai thủy tinh trong suốt 460ml).

Đối với số lượng mà Đại lý N giao dư: Kết nhựa PYFINCO 24 Ô thấp là 14 vỏ kết và chai thủy tinh trong suốt 230ml là 336 vỏ chai, các bên thống nhất trừ vào kết nhựa Phú sen 20 Ô và vỏ chai thủy tinh trong suốt 460ml.

Như vậy, hiện nay Đại lý N còn nợ Công ty P: Tiền hàng là 6.031.000^d (sáu triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng). Vỏ kết nhựa và vỏ chai thủy tinh, gồm: Kết nhựa Phú sen 20 Ô là 3.453 vỏ kết; Chai thủy tinh trong suốt 460ml là 69.004 vỏ chai; Kết nhựa Pita 24 Ô cao là 180 vỏ kết nhựa; Chai thủy tinh trong suốt 330ml là 4.320 vỏ chai; Kết nhựa Phú sen 35 Ô thấp là 19 vỏ kết nhựa và chai thủy tinh trong suốt 220ml là 665 vỏ chai.

Căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hóa các bên ký kết, giá trị vỏ kết nhựa, vỏ chai được tính như sau: Kết nhựa Phú sen 20 Ô là 3.453 vỏ kết x 38.000^d/vỏ kết= 131.214.000^d; Chai thủy tinh trong suốt 460ml là 69.004 vỏ chai x 2.800^d/vỏ chai= 193.211.200^d; Kết nhựa Pita 24 Ô cao là 180 vỏ kết x 32.000^d/vỏ kết= 5.760.000^d; Chai thủy tinh trong suốt 330ml là 4.320 vỏ chai x 2.200^d/vỏ chai= 9.504.000^d; Kết nhựa Phú sen 35 Ô thấp là 19 vỏ kết nhựa x 38.000^d/vỏ kết= 722.000^d; Chai thủy tinh trong suốt 220ml là 665 vỏ chai x 2.000^d/ vỏ chai= 1.330.000^d.

Tổng cộng tiền hàng và tiền vỏ kết, vỏ chai là: 347.772.200^d (ba trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng). Đồng ý khấu trừ số tiền Đại lý N đã cược của vỏ kết, vỏ chai là 24.140.000^d. Tại phiên tòa sơ thẩm, chấp nhận khấu trừ 33 thùng chanh tươi với giá 120.000^d/ thùng thành tiền 3.960.000^d.

Do đó, bà Trương Thị N- chủ Đại lý N và ông Lê Tự K còn phải trả cho Công ty P số tiền là 319.672.200^d (ba trăm mười chín triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng).

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn, cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Tự K trình bày:

Năm 1997, đại lý của tôi bắt đầu quan hệ mua bán nước khoáng chai các loại với Công ty cổ phần kỹ nghệ thực phẩm P và có đặt cược 02 lần với tổng số tiền là 30.000.000^d tương đương với 4.000 bộ vỏ két nước khoáng Phú sen 20 Ô (gồm vỏ két nhựa và chai thủy tinh trong suốt 460ml). Hàng năm, Công ty P và đại lý của tôi đều ký hợp đồng mua bán hàng hóa và đối chiếu công nợ, hợp đồng có hiệu lực trong năm ký kết. Mặc dù, trong giấy phép kinh doanh đứng tên vợ tôi là bà Trương Thị N chủ hộ, tuy nhiên, toàn bộ hoạt động kinh doanh và điều hành việc kinh doanh cũng như tham gia giao dịch, ký kết hợp đồng là tôi (K) thực hiện, do vậy tất cả hợp đồng của các năm và biên bản đối chiếu công nợ mà phía nguyên đơn cung cấp lưu hồ sơ vụ án đã được Tòa án công bố tại phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải đều là chữ viết, chữ ký của tôi ký thay bà Trương Thị N, bà N đều biết và thực hiện. Ngày 01/01/2015, Công ty P và đại lý của tôi ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa cuối cùng có hiệu lực đến ngày 31/12/2015, khi ký kết thì hai bên có đối chiếu công nợ, xác định số nợ còn lại mà đại lý của tôi còn nợ Công ty. Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 26/9/2017 (thời điểm chấm dứt giao dịch), Công ty P và đại lý của tôi không còn ký kết hợp đồng nhưng vẫn thực hiện giao dịch mua bán.

Thừa nhận tính đến ngày 01/01/2015, đại lý của tôi còn nợ Công ty theo như biên bản đối chiếu công nợ và được kiểm tra sổ gốc, cụ thể: Tiền hàng nợ là 12.700.000^d (mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Vỏ két nhựa và vỏ chai thủy tinh các loại, gồm: Két nhựa Phú sen 20 Ô là 4.443 vỏ két; Chai thủy tinh trong suốt 460ml là 88.860 vỏ chai; Két nhựa Pita 24 Ô cao là 188 vỏ két; Chai thủy tinh trong suốt 330ml là 4.512 vỏ chai; Két nhựa Phú sen 35 Ô thấp là 19 vỏ két; Chai thủy tinh trong suốt 220ml là 665 vỏ chai. Bên cạnh đó, Đại lý N giao dư: Két nhựa PYFINCO 24 Ô thấp là 04 vỏ két và chai thủy tinh trong suốt 230ml là 96 vỏ chai. Công ty còn giữ tiền cược vỏ két nhựa, vỏ chai của Đại lý N là 24.140.000^d (hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày 02/01/2015 đến khi chấm dứt giao dịch (26/9/2017) và sau khi khởi kiện, Đại lý N đã trả cho Công ty theo như số liệu đối chiếu sổ sách gốc tại phiên hòa giải ngày 14/3/2019 và như lời trình bày của nguyên đơn là đúng.

Do đó, hiện nay Đại lý N còn nợ Công ty P: Tiền hàng là 6.031.000^d (sáu triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng). Vỏ két nhựa và vỏ chai thủy tinh, gồm: Két nhựa Phú sen 20 Ô là 3.453 vỏ két; Chai thủy tinh trong suốt 460ml là 69.004 vỏ chai; Két nhựa Pita 24 Ô cao là 180 vỏ két nhựa; Chai thủy tinh trong suốt 330ml là 4.320 vỏ chai; Két nhựa Phú sen 35 Ô thấp là 19 vỏ két nhựa và chai thủy tinh trong suốt 220ml là 665 vỏ chai.

Tuy nhiên, từ năm 2013 (không nhớ rõ thời điểm cụ thể) Công ty P có mượn đại lý của tôi 600 bộ vỏ két Phú sen 20 Ô (gồm 600 vỏ két nhựa và 12.000 vỏ chai thủy tinh trong suốt 460ml) nhưng chưa trả, song tôi cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh.

Như vậy, theo như sổ sách, số liệu đã được đối chiếu thì đại lý của tôi chỉ còn nợ Công ty P tổng số lượng 3.652 bộ vỏ két các loại như phía nguyên đơn yêu cầu ở trên. Trong khi đó, năm 1997 tôi đã đặt cược 30.000.000^d tương đương với 4.000 bộ vỏ két nước khoáng Phú sen 20 Ô. Cho nên, Công ty P còn thiếu đại lý của tôi 348 bộ vỏ két Phú sen 20 Ô. Hơn nữa, các bên thỏa thuận mua đứt bán đoạn với nhau, trường hợp không còn mua bán với nhau nữa thì đại lý trả vỏ két chai cho công ty và công ty trả lại tiền cược. Nếu đại lý không trả được vỏ két chai thì số tiền cược quy ra cân bằng vỏ két chai và không được lấy tiền cược về. Mục đích đặt cược nhằm bảo đảm tài sản là vỏ két nhựa, vỏ chai các loại trong quá trình thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa.

Do đó, chỉ đồng ý trả cho Công ty P tiền hàng là 6.031.000^d (sáu triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng). Đồng thời, Công ty P phải trả lại cho đại lý của tôi 348 bộ vỏ két loại Phú sen 20 Ô này và số tiền cược là 24.140.000^d. Đồng ý 33 thùng chanh tươi thể hiện trong sổ gốc với giá 120.000^d/ thùng thành tiền 3.960.000^d, yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Tại bản án số 01/2019/KDTM - ST ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân thành huyện Ea Kar đã quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Trương Thị N, chủ Đại lý N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Tự K phải trả cho Công ty cổ phần kỹ nghệ thực phẩm P tổng số tiền là 347.772.200^d (ba trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng). Trong đó: tiền hàng còn nợ 6.031.000^d, tiền vỏ két nhựa, chai thủy tinh quy thành tiền 341.741.200^d. Được khấu trừ vào số tiền đặt cược vỏ két nhựa, vỏ chai các loại là 24.140.000^d và 3.960.000^d tiền chanh tươi. Bà Trương Thị N và ông Lê Tự K còn phải trả cho Công ty cổ phần kỹ nghệ thực phẩm P số tiền còn lại là 319.672.200^d (ba trăm mười chín triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng).

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm trả, kể từ khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, ngày 01/2019, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Lê Tự K - Có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM - ST ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân thành huyện Ea Kar.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa ngày 01/8/2019 và Bản luận cứ do người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn nộp tại Tòa án, trình bày ý kiến với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện, không tiến hành thu thập chứng cứ, đối chất những điểm mâu thuẫn có trong hồ sơ vụ án, giải quyết không khách quan, do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM - ST ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân thành huyện Ea Kar để giao và giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với phản tranh luận của phía bị đơn cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Sau khi phân tích, nhận định, đánh giá; đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Tự K – Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của ông Lê Tự K - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Công ty cổ phần kỹ nghệ thực phẩm P, nay đổi tên là Công ty Cổ phần đầu tư Quốc tế P(sau đây gọi tắt là: Công ty P) và Đại lý N do bà Trương Thị N làm chủ theo giấy phép kinh doanh, ông Lê Tự K là chồng bà N là người trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty P về các mặt hàng nước khoáng chai các loại, trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về giá cả, phương thức thanh toán, địa điểm giao hàng, giá trị vỏ kết nhựa, vỏ chai và thanh toán nợ vỏ kết nhựa, vỏ chai bằng cách quy thành tiền. Quá trình thực hiện

hợp đồng mua bán các bên có tiến hành đối chiếu công nợ, xác định số nợ còn lại và ghi sổ sách theo dõi. Nay Công ty P khởi kiện Đại lý N do vi phạm hợp đồng và yêu cầu Đại lý N trả nợ cho Công ty P gồm các khoản gồm: Tiền hàng là 6.031.000^d (sáu triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng). Vỏ két nhựa và vỏ chai thủy tinh, gồm: Két nhựa Phú sen 20 Ô là 3.453 vỏ két; Chai thủy tinh trong suốt 460ml là 69.004 vỏ chai; Két nhựa Pita 24 Ô cao là 180 vỏ két nhựa; Chai thủy tinh trong suốt 330ml là 4.320 vỏ chai; Két nhựa Phú sen 35 Ô thấp là 19 vỏ két nhựa và chai thủy tinh trong suốt 220ml là 665 vỏ chai.

Công ty P chấp nhận khấu trừ số tiền mà Đại lý N đã cược vỏ két, vỏ chai là 24.140.000^d. Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty P chấp nhận trừ 33 thùng chanh tươi với giá 120.000^d/ thùng thành tiền 3.960.000^d. Nên yêu cầu bà Trương Thị N- chủ Đại lý N và ông Lê Tự K còn phải trả cho Công ty P khoản nợ tiền hàng 6.031.000^d và toàn bộ vỏ chai, két nhựa được tính giá trị thành tiền theo giá quy định tại hợp đồng số 80/2014/HĐMB ngày 01/01/2014 là 319.041.200 đồng.

[2.1] Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc ký kết hợp đồng giữa Công ty P với Đại lý N là có thật và hàng năm các bên đều đối chiếu, xác nhận công nợ trước khi ký kết hợp đồng mới, đồng thời chuyển công nợ sang năm tiếp theo. Nội dung này phù hợp với sổ sách mà hiện Công ty P đang lưu giữ đã được các bên đối chiếu tại biên bản hòa giải ngày 14/3/2019.

Theo hợp đồng mua bán và Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ từ trước cho đến năm 2014 và năm 2015 thì xác định Đại lý N còn nợ Công ty P: Tiền hàng là 12.700.000^d (*mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng*). Vỏ két nhựa và vỏ chai thủy tinh, gồm: Két nhựa Phú sen 20 Ô là 4.443 vỏ két; Chai thủy tinh trong suốt 460ml là 88.860 vỏ chai; Két nhựa Pita 24 Ô cao là 188 vỏ két; Chai thủy tinh trong suốt 330ml là 4.512 vỏ chai; Két nhựa Phú sen 35 Ô thấp là 19 vỏ két; Chai thủy tinh trong suốt 220ml là 665 vỏ chai. Bên cạnh đó, Đại lý N giao dư: Két nhựa PYFINCO 24 Ô thấp là 04 vỏ két và chai thủy tinh trong suốt 230ml là 96 vỏ chai. Đồng thời, Công ty P còn giữ tiền cược vỏ két của Đại lý N là 24.140.000^d (hai mươi bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Từ ngày 02/01/2015 đến ngày 26/9/2017 và sau thời điểm khởi kiện, thì Đại lý N đã trả tiền hàng 6.669.000^d và trả vỏ két nhựa, vỏ chai các loại gồm: Két nhựa Phú sen 20 Ô là 990 vỏ két (đã trừ 52 vỏ két nợ thêm và cộng 14 vỏ két nhựa PYFINCO 24 Ô thấp mà các bên thỏa thuận tính vào két nhựa Phú sen 20 Ô); Chai thủy tinh trong suốt 460ml là 19.856 vỏ chai (đã trừ 1.040 vỏ chai nợ thêm và cộng 336 vỏ chai thủy tinh loại 230ml mà các bên thỏa thuận tính vào vỏ chai thủy tinh loại 460ml); Két nhựa Pita 24 Ô cao là 08 vỏ két; Chai thủy tinh trong suốt 330ml là 192 vỏ chai. Vì vậy, hiện nay Đại lý N còn nợ Công ty P gồm: Tiền hàng là 6.031.000^d (sáu triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng). Vỏ két nhựa và vỏ chai thủy tinh, gồm: Két nhựa Phú sen 20 Ô là 3.453 vỏ két; Chai thủy tinh trong suốt 460ml là 69.004 vỏ chai; Két nhựa Pita 24 Ô cao là 180 vỏ két nhựa; Chai thủy tinh trong suốt 330ml là 4.320 vỏ chai; Két nhựa Phú sen 35 Ô thấp là 19 vỏ két nhựa và chai thủy tinh trong suốt

220ml là 665 vỏ chai. Nội dung này phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền hàng và số lượng vỏ kết, chai thủy tinh là có cơ sở pháp lý.

[2.2] Đối với nội dung ông K cho rằng: Vào năm 1997, Đại lý N đã đặt cược 30.000.000^d tương đương với 4.000 bộ vỏ kết nước khoáng Phú sen 20 Ô và các bên thỏa thuận hình thức đặt cược là hình thức bán vỏ kết, vỏ chai các loại cho đại lý. Theo như sổ sách, số liệu đã được đối chiếu thì đại lý của ông chỉ còn nợ Công ty P tổng số 3.652 bộ vỏ kết các loại nên yêu cầu Công ty P phải trả số lượng còn thiếu cho đại lý của ông là 348 bộ vỏ kết Phú sen 20 ô. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, cũng như tại phiên tòa hôm nay, thì ông K không cung cấp được hợp đồng năm 1997 cũng như sổ sách đối chiếu công nợ giữa các bên. Mặt khác trong quá trình Tòa án giải quyết, phía bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong khi đó phía nguyên đơn chỉ khởi kiện khoản nợ tiền hàng và nợ vỏ chai, kết nhựa từ trước cho đến năm 2014, theo các biên bản đối chiếu công nợ, hợp đồng mua bán và biên bản hòa giải ngày 14/3/2019. Do vậy, nội dung trình bày của ông K không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Xét nội dung ông K trình bày từ năm 2013 trở đi (không nhớ ngày tháng năm), Công ty P có mượn của Đại lý N 600 bộ vỏ kết Phú sen 20 Ô (gồm 600 vỏ kết nhựa và 12.000 chai thủy tinh trong suốt 460ml) nhưng chưa trả cho đại lý của ông là không có cơ sở. Bởi lẽ, ngoài lời trình bày thì Đại lý N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Còn phía nguyên đơn thì cho rằng trong quá trình giao dịch, vào thời điểm năm 2011 Công ty có mượn, nhưng đã trả đủ vào các ngày 07/5/2011, 11/5/2011, 23/5/2011 và 24/5/2013 với tổng số 606 bộ vỏ kết Phú sen 20 Ô, thể hiện việc khấu trừ dần vào số nợ trong sổ gốc theo dõi của Công ty và đối chiếu tại phiên hòa giải ngày 14/3/2019.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới, đó là Sổ đại lý nước khoáng Phú Sen do ông K cất giữ, nhưng phía Công ty P cho rằng không biết những tài liệu này có liên quan hay vì thời gian từ năm 1997 đến nay đã lâu và có nhiều tài liệu Công ty không còn lưu trữ. Tuy nhiên trong thời gian tạm ngừng phiên tòa thì phía Công ty P đã đồng ý và chấp nhận khấu trừ khoản tiền 30.000.000đ trên cho Đại lý N, với điều kiện Đại lý N phải trả vỏ chai vỏ kết còn nợ bằng giá trị thành tiền được quy định tại hợp đồng số: 80/2014/HĐMB ngày 01/01/2014. Xét thấy đây là tình tiết mới, được các bên thừa nhận là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm buộc Đại lý N trả tiền hàng và vỏ chai, vỏ kết còn nợ từ trước tới nay là có căn cứ. Nhưng việc Tòa án sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng số: 80/2014/HĐMB ngày 01/01/2014 và Hợp đồng số 93/2015/HĐMB ngày 01/01/2015 để buộc bị đơn trả vỏ chai, kết nhựa quy ra giá trị bằng tiền là chưa phù hợp. Bởi lẽ, toàn bộ số vỏ kết vỏ chai mà Đại lý N còn nợ của Công ty được

cộng dồn từ nhiều năm trước cho đến nay, mà mỗi năm thì các bên đều ký kết hợp đồng mới, đồng thời nội dung về đơn giá quy định tại hợp đồng ở mỗi thời điểm là khác nhau, tuy nhiên Công ty chỉ cung cấp được 02 hợp đồng tại thời điểm năm 2014, 2015 còn các hợp đồng trước đó thì Công ty cho rằng đã bị thất lạc nên không còn nữa. Mặt khác phía bị đơn cũng không còn lưu giữ hợp đồng nào cả. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên buộc Đại lý N phải trả số tiền hàng và trả toàn bộ số vỏ chai, vỏ két còn nợ cho Công ty P. Trong trường hợp Đại lý N không có khả năng trả bằng vật (tức là vỏ chai, vỏ két) cho Công ty, thì trong quá trình thi hành án, Đại lý N phải có trách nhiệm trả bằng tiền, theo mức giá của từng loại vỏ chai, vỏ két được quy định trong hợp đồng số 80/2014/HĐMB ngày 01/01/2014 cho Công ty P thì mới phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Trong quá trình xét xử phúc thẩm, ông K đã có đơn xin miễn án phí do tuổi cao. Xét thấy ông K đã trên 60 tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Luật người cao tuổi, nên cần chấp nhận miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông Lê Tự K.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Lê Tự K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 147, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 24, khoản 1 Điều 55 Luật thương mại; Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Tự K – Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2019/KDTM - ST ngày 26/3/2019 của của Tòa án nhân dân thành huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Trương Thị N, chủ Đại lý N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Tự K phải trả cho Công ty Cổ phần đầu tư P số tiền hàng còn nợ là 6.031.000^d (*sáu triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng*). Trả toàn bộ vỏ két nhựa và vỏ chai thủy tinh, gồm: Két nhựa Phú sen 20 Ô là 3.453 vỏ két; Chai thủy tinh trong suốt 460ml là 69.004 vỏ chai; Két nhựa Pita 24 Ô cao là 180 vỏ két nhựa; Chai thủy tinh trong suốt 330ml là 4.320 vỏ chai; Két nhựa Phú sen 35 Ô thấp là 19 vỏ két nhựa và chai thủy tinh trong suốt 220ml là 665 vỏ chai.

Trường hợp bị đơn bà Trương Thị N, chủ Đại lý N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Tự K không trả được khoản nợ bằng hiện vật là vỏ két nhựa và chai thủy tinh, thì Đại lý N phải trả giá trị bằng tiền, cụ thể: Căn cứ hợp đồng số 80/2014/HĐMB ngày 01/01/2014 quy định mức giá của từng loại vỏ két nhựa, vỏ chai thủy tinh được tính như sau: Két nhựa Phú sen 20 Ô là $3.453 \text{ vỏ két} \times 38.000^{\text{đ}}/\text{vỏ két} = 131.214.000^{\text{đ}}$; Chai thủy tinh trong suốt 460ml là $69.004 \text{ vỏ chai} \times 2.800^{\text{đ}}/\text{vỏ chai} = 193.211.200^{\text{đ}}$; Két nhựa Pita 24 Ô cao là $180 \text{ vỏ két} \times 32.000^{\text{đ}}/\text{vỏ két} = 5.760.000^{\text{đ}}$; Chai thủy tinh trong suốt 330ml là $4.320 \text{ vỏ chai} \times 2.200^{\text{đ}}/\text{vỏ chai} = 9.504.000^{\text{đ}}$; Két nhựa Phú sen 35 Ô thấp là $19 \text{ vỏ két} \times 38.000^{\text{đ}}/\text{vỏ két} = 722.000^{\text{đ}}$; Chai thủy tinh trong suốt 220ml là $665 \text{ vỏ chai} \times 2.000^{\text{đ}}/\text{vỏ chai} = 1.330.000^{\text{đ}}$. Tổng giá trị vỏ két nhựa, vỏ chai thủy tinh được quy đổi ra bằng tiền là $341.741.200^{\text{đ}}$ cộng với $6.031.000^{\text{đ}}$ tiền hàng còn nợ là $347.772.200^{\text{đ}}$. Được khấu trừ vào số tiền $58.100.000^{\text{đ}}$ (tiền cược vỏ, chai thủy tinh các loại là $24.140.000^{\text{đ}}$, số tiền tiền chanh tươi là $3.960.000^{\text{đ}}$, số tiền được do các bên thỏa thuận tại phiên tòa là $30.000.000^{\text{đ}}$). Nên bà Trương Thị N và ông Lê Tự K còn phải trả cho Công ty cổ phần đầu tư Quốc tế P số tiền còn lại là $289.672.200^{\text{đ}}$

Trường hợp Trương Thị N và ông Lê Tự K trả đủ vỏ chai, két nhựa cho Công ty thì công ty cổ phần đầu tư Quốc tế P có trách nhiệm trả lại tiền cược vỏ chai các loại $24.140.000^{\text{đ}}$, số tiền chanh tươi là $3.960.000^{\text{đ}}$, số tiền được do các bên thỏa thuận tại phiên tòa là $30.000.000^{\text{đ}}$.

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đòi với số tiền chậm trả, kể từ khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Tự K được miễn nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bà Trương Thị N phải chịu $7.991.000^{\text{đ}}$ (bảy triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho phía nguyên đơn Công ty cổ phần kỹ nghệ thực phẩm P (nay là Công ty Cổ phần đầu tư P) số tiền $11.006.500^{\text{đ}}$ (mười một triệu không trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004328 ngày 31/5/2018.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Tự K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông Lê Tự K số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0012944 ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk và số tiền $1.700.000$ đồng đã nộp theo biên lai số 0013028 ngày 07 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục T.H.A.DS huyện E;
- Đường sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh